TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/HS-ST
Ngày 14-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt C**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn M H**.

2. Ông **Trần Hữu L.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Bùi Trần Thị M H** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc A** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12-7-2023 và ngày 14-7-2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2023/HSST-QĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 đối với:

Bị cáo: **PHÙNG VĂN H** - Sinh ngày: 17-5-1974 tại huyện S, tỉnh T.

Nơi cư trú: Thôn ĐM, xã VP, huyện S, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Phùng Văn Ư – Sinh năm: 1955; Con bà: Phan Thị D – Sinh năm: 1952; Vợ: Nguyễn Thị C – Sinh năm: 1971; Con: Phùng Đình Q – Sinh năm: 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Phùng Văn H đang được tại ngoại theo Quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn số: 25/2023/HSST ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh **Nguyễn Hồng K** – Sinh năm: 1983; Địa chỉ: Thôn HE, xã TA, huyện S, tỉnh T. Vắng mặt.

- Anh **Trần Trung T** – Sinh năm: 1983; Địa chỉ: Thôn ĐM, xã VP, huyện S, tỉnh T. Vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị M** – Sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn ĐM, xã VP, huyện S, tỉnh T. Vắng mặt.

- Chị **Đinh Thị D** – Sinh năm: 1987; Địa chỉ: Thôn ĐM, xã VP, huyện S, tỉnh T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 14-12-2021 đến ngày 31-12-2022, bị cáo Phùng Văn H thấy nhiều người có nhu cầu vay tiền để chi tiêu cá nhân, đáo hạn ngân hàng. Do có tích góp được một số tiền của cá nhân nên bị cáo H đã cho nhiều người vay tiền với mức lãi suất cao để thu lợi. Bị cáo H sử dụng tài khoản số 8101666899999 Ngân hàng Agribank của mình để chuyển tiền cho vay, nhận tiền lãi và tiền vay gốc. Trong các lần cho vay lãi, sau khi thu được tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận, bị cáo H tiếp tục sử dụng số tiền gốc ban đầu để cho vay các lần kế tiếp, còn tiền lãi bị cáo H sử dụng để chi tiêu cá nhân, cụ thể như sau:

1. Hành vi bị cáo Phùng Văn H cho anh Nguyễn Hồng K vay tiền lãi nặng.

- **Lần 1:** Từ ngày 14-12-2021 đến ngày 18-01-2022 (35 ngày), bị cáo Phùng Văn H cho anh K vay số tiền 600.000.000 đồng (Chuyển 02 lần: 01 lần chuyển số tiền 400.000.000 đồng; 01 lần chuyển số tiền 200.000.000 đồng), thoả thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Bị cáo H chuyển khoản đến tài khoản số 34110001099024 Ngân hàng BIDV của anh K. Ngày 12-01-2022, anh K 04 lần sử dụng tài khoản số 8101215040675 Ngân hàng Agribank của mình chuyển khoản trả bị cáo H 500.000.000 đồng (03 lần chuyển số tiền 100.000.000 đồng; 01 lần chuyển số tiền 200.000.000 đồng). Ngày 13-01-2022, anh K chuyển trả cho bị cáo H số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 18-01-2022, anh K chuyển trả bị cáo H số tiền 60.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 14-12-2021 đến ngày 18-01-2022. Tổng số tiền lãi H đã thu được là 60.000.000 đồng.

- **Lần 2:** Từ ngày 16-02-2022 đến ngày 17-02-2022 (02 ngày), bị cáo Phùng Văn H cho anh K vay số tiền 200.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 3.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Bị cáo H tiếp tục chuyển khoản đến tài khoản số 8101215040675 Ngân hàng Agribank của anh K. Ngày 17-02-2022, anh K sử dụng tài khoản số 8101215040675 Ngân hàng Agribank chuyển trả cho bị cáo H 201.400.000 đồng, trong đó: Tiền gốc là 200.000.000đ; tiền lãi là 1.400.000 đồng.

- **Lần 3:** Từ ngày 22-3-2022 đến ngày 25-3-2022, bị cáo Phùng Văn H trực tiếp đến nhà đưa cho anh K vay số tiền 380.000.000 đồng. Thoả thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Ngày 25-3-2022, anh K sử dụng tài khoản số 8101215040675 Ngân hàng Agribank chuyển trả cho bị cáo H số tiền 384.500.000 đồng, trong đó: Tiền gốc là 380.000.000đ; tiền lãi là 4.500.000 đồng.

- **Lần 4:** Trong ngày 26-3-2022 (01 ngày), bị cáo Phùng Văn H cho anh K vay số tiền 200.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Bị cáo H chuyển khoản đến tài khoản số 8101215040675 Ngân hàng

Agribank của anh K. Sau đó, anh K sử dụng tài khoản số 8101215040675 Ngân hàng Agribank chuyển trả cho bị cáo H số tiền 200.600.000 đồng, trong đó: Tiền gốc là 200.000.000đ; tiền lãi là 600.000 đồng.

- **Lần 5:** Từ ngày 28-3-2022 đến ngày 30-3-2022 (03 ngày), bị cáo Phùng Văn H cho anh K vay số tiền 100.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Bị cáo H chuyển khoản đến tài khoản số 8101215040675 Ngân hàng Agribank của anh K. Ngày 30-3-2022, anh K sử dụng tài khoản số 8101215040675 Ngân hàng Agribank chuyển trả cho bị cáo H số tiền 100.900.000 đồng, trong đó: Tiền gốc là 100.000.000đ; tiền lãi là 900.000 đồng.

- **Lần 6:** Từ ngày 19-4-2022 đến ngày 22-4-2022 (04 ngày), bị cáo Phùng Văn H cho anh K vay số tiền 300.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Bị cáo H chuyển khoản đến tài khoản số 8101215040675 Ngân hàng Agribank của anh K. Ngày 22-4-2022, anh K sử dụng tài khoản số 8101215040675 Ngân hàng Agribank chuyển trả cho bị cáo H số tiền 303.600.000 đồng, trong đó: Tiền gốc là 300.000.000đ; tiền lãi là 3.600.000 đồng.

- **Lần 7:** Từ ngày 20-7-2022 đến ngày 21-7-2022 (02 ngày), bị cáo Phùng Văn H tiếp tục cho anh K vay số tiền 600.000.000 đồng (Chuyển 02 lần: 01 lần chuyển số tiền 400.000.000 đồng, 01 lần chuyển số tiền 200.000.000 đồng), thoả thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Bị cáo H chuyển khoản đến tài khoản số 8101215040675 Ngân hàng Agribank của anh K. Ngày 21-7-2022, anh K sử dụng tài khoản số 8101215040675 Ngân hàng Agribank chuyển trả cho bị cáo H số tiền 604.000.000 đồng, trong đó: Tiền gốc là 600.000.000đ; tiền lãi là 4.000.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 14-12-2021 đến ngày 21-7-2022, bị cáo Phùng Văn H đã cho anh Nguyễn Hồng K vay tiền 07 lần, thoả thuận lãi suất từ 3.000 đến 3.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tuỳ thuộc từng lần vay) tương đương lãi suất 104,3%/năm đến 127,8%/năm gấp 5,214 đến 6,388 lần mức lãi xuất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi bị cáo H đã thu được của anh K là 75.000.000 đồng. Trong đó: Tiền lãi theo quy định là 14.149.000 đồng; thu lợi bất chính 60.851.000 đồng.

2. Hành vi bị cáo Phùng Văn H cho anh Trần Trung T vay tiền lãi nặng.

Từ ngày 12-4-2022 đến ngày 22-7-2022, bị cáo Phùng Văn H cho anh T vay số tiền 30.000.000 đồng. Thoả thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; thu lãi theo kỳ, mỗi kỳ 10 ngày, mỗi tháng 03 kỳ (Tháng thừa hay thiếu đều tính lãi là 03 kỳ, tương ứng với 30 ngày). Bị cáo H sử dụng tài khoản số 8101666899999 Ngân hàng Agribank của mình để chuyển tiền cho vay, nhận tiền lãi và tiền gốc với tài khoản của anh T số 103802889998 Ngân hàng Vietinbank.

Sau đó, anh T đã thực hiện chuyển tiền lãi cho bị cáo H 10 lần, mỗi lần 900.000 đồng. Ngày 22-7-2022, anh T đã trả 30.000.000 đồng tiền gốc cho bị cáo H.

Như vậy, từ ngày 12-4-2022 đến ngày 22-7-2022 (101 ngày), bị cáo Phùng Văn H đã cho anh Trần Trung T vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương lãi suất 108,5%/năm, gấp 5,421 lần mức lãi xuất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi bị cáo H đã thu được của anh T là 9.000.000 đồng. Trong đó: Tiền lãi theo quy định là 1.660.000 đồng; tiền thu lợi bất chính là 7.340.000 đồng.

3. Hành vi bị cáo Phùng Văn H cho bà Nguyễn Thị M vay tiền lãi nặng.

Từ ngày 22-10-2022 đến ngày 31-12-2022, bị cáo Phùng Văn H cho bà M vay số tiền 20.000.000 đồng. Thoả thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; thu lãi theo kỳ, mỗi kỳ 10 ngày, mỗi tháng 03 kỳ (Tháng thừa hay thiếu đều tính lãi là 03 kỳ, tương ứng với 30 ngày). Bị cáo H sử dụng tài khoản số 8101666899999 Ngân hàng Agribank của mình để chuyển tiền cho vay, nhận tiền lãi và tiền gốc với tài khoản của bà M số 0986082598 (106876790217) Ngân hàng Vietinbank.

Sau đó, bà M thực hiện chuyển tiền lãi cho bị cáo H 05 lần tổng số 3.300.000 đồng. Đến ngày 31-12-2022, hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo H bị Cơ quan chức năng phát hiện. Khoảng đầu tháng 01-2023, bà M trả 20.000.000 tiền vay gốc cho bị cáo H và thống nhất với bị cáo H không thu số tiền lãi còn thiếu là 840.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 22-10-2022 đến ngày 31-12-2022 (70 ngày), bị cáo Phùng Văn H cho bà Nguyễn Thị M vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương lãi suất 107,9%/năm, gấp 5,397 lần mức lãi xuất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền lại theo thỏa thuận giữa bị cáo H và bà M là 4.140.000 đồng; Số tiền lãi thực tế bị cáo H thu được của bà M là 3.300.000đ. Trong đó: Tiền lãi theo quy định là 767.000 đồng; số tiền thu lợi bất chính 2.533.000 đồng.

4. Hành vi bị cáo Phùng Văn H cho chị Đinh Thị D vay tiền.

Từ ngày 04-12-2022 đến ngày 31-12-2022 (28 ngày), bị cáo Phùng Văn H cho chị D vay số tiền 100.000.000 đồng. Thoả thuận lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; thu lãi theo kỳ, mỗi kỳ 10 ngày, mỗi tháng 03 kỳ (Tháng thừa hay thiếu đều tính lãi là 03 kỳ, tương ứng với 30 ngày). Bị cáo H sử dụng tài khoản số 8101666899999 Ngân hàng Agribank của mình để chuyển tiền cho vay, nhận tiền lãi và tiền gốc với tài khoản của chị D số 8101215016431 Ngân hàng Agribank.

Ngày 14-02-2022, chị D chuyển 2.000.000 đồng tiền lãi cho bị cáo H (từ ngày 04/12/2022 đến ngày 14/12/2022). Đến ngày 31-12-2022, hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo H bị Cơ quan chức năng phát hiện. Đến nay, chị D đã trả cho bị cáo H 100.000.000 đồng tiền vay gốc và thống nhất với bị cáo H không thu số tiền lãi còn thiếu là 4.600.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 28-11-2022 đến ngày 31-12-2022 (33 ngày), bị cáo Phùng Văn H đã cho chị Đinh Thị D vay 100.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương lãi suất 86,0%/năm, gấp 4,302 lần mức lãi xuất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi bị cáo H đã thu được chị D là 2.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số: 359/KL-KTHS ngày 24-3-2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T giám định dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, vỏ màu ghi, đã qua sử dụng, số IMEI: 353891101525173, bên trong lắp 01 sim của nhà mạng Vinaphone có dãy số 89840200011112546591, kết luận: Tìm thấy 68 tin nhắn SMS đi, đến; chụp được 1.707 ảnh màn hình hiển thị tin nhắn trong ứng dụng zalo; tìm thấy 1205 ảnh lưu trữ trong thư mục ảnh (Toàn bộ dữ liệu tìm thấy được lưu trữ trong đĩa DVD kèm theo kết luận giám định).

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phùng Văn H đã tự nguyện hoàn trả số tiền lãi cho anh Nguyễn Hồng K số tiền 75.000.000 đồng; trả cho anh Trần Trung T số tiền 9.000.000 đồng; trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 3.000.000 đồng; trả cho chị Đinh Thị D số tiền 2.000.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã tạm giữ: 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max, màu xanh, số máy MWF922LL/A lắp 01 sim thuê bao Vinaphone số 0918.916.696 (Được niêm phong theo quy định); số tiền 50.000.000 đồng do bị cáo Phùng Văn H giao nộp hiện đang gửi tại tài khoản tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện S.

Tại cáo trạng số: 78/CT-VKS ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T quyết định truy tố đối với bị cáo Phùng Văn H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T thực hành quyền công tố, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phùng Văn H. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T đề nghị với HĐXX:

Về tội danh: Tuyên bị cáo Phùng Văn H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng Văn H từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phùng Văn H.

Giao bị cáo Phùng Văn H về Ủy ban nhân dân xã VP, huyện S, tỉnh T để giám sát, giáo dục.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước phương tiện dùng vào việc phạm tội.

01 điện thoại Iphone 11 Pro Max, màu xanh, số máy MWF922LL/A lắp 01 sim thuê bao Vinaphone số 0918.916.696.

Về biện pháp tư pháp:

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền người phạm tội dùng để cho vay:

Truy thu của bị cáo Phùng Văn H số tiền 600.000.000đ được khấu trừ vào số tiền 50.000.000đ theo Công văn số: 10/CV-CQCSĐT ngày 03-01-2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T. Còn tiếp tục truy của bị cáo Phùng Văn H số tiền 550.000.000đ.

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo Phùng Văn H đã thu của người vay:

- Truy thu của bị cáo Phùng Văn H số tiền 300.000đ.
- Truy thu của anh Nguyễn Hồng K số tiền 14.149.000đ.
- Truy thu của anh Trần Trung T số tiền 1.660.000đ.
- Truy thu của bà Nguyễn Thị M số tiền 311.000đ.

Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

- Bị cáo Phùng Văn H nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần tội danh, vật chứng, án phí và quyền kháng cáo. Bị cáo Phùng Văn H có quan điểm tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về hình phạt và biện pháp tư pháp:

+ Về hình phạt: Bị cáo thấy mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị là cao đối với hành vi phạm tội của mình. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

+ Về biện pháp tư pháp: Bị cáo không nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy thu khoản tiền 600.000.000đ bị cáo cho anh K vay vì thực tế số tiền này không pH là của bị cáo. Số tiền 600.000.000đ bị cáo cho anh K vay là của anh Hoàng Văn Hương chuyển cho bị cáo và thu lãi của bị cáo số tiền 1.500đ/1.000.000đ/ngày. Hành vi này của anh Hương cũng đã bị xử lý hành chính và số tiền 600.000.000đ đã bị xử lý đối với hành vi của anh Hương nên bị cáo không nhất trí truy thu tiếp số tiền 600.000.000đ của bị cáo vì như vậy là xử lý 02 lần đối với cùng một số tiền 600.000.000đ. Nếu trường hợp pH truy thu, thì đề nghị HĐXX xem xét truy thu số tiền 600.000.000đ này của anh Hoàng Văn Hương.

- Đại diện Viện kiểm sát tranh luận, đối đáp với bị cáo Phùng Văn H:

+ Về hình phạt: Bị cáo Phùng Văn H đã có hành vi sử dụng số tiền 600.000.000đ để cho những người khác vay với lãi suất nặng, nhằm thu số tiền lãi là 88.140.000 đồng (tiền thu lợi bất chính 71.564.000 đồng). Đại diện Viện kiểm sát đã căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đánh giá tính chất, mức độ hành vi của bị cáo và đề xuất mức hình phạt phù hợp với khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

+ Về biện pháp tư pháp: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H đều thừa nhận khoản vay giữa bị cáo và anh Hương là giao dịch dân sự độc lập với khoản vay giữa bị cáo và anh K. Bị cáo không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng M cho việc anh Hương và bị cáo cùng thực hiện hành vi cho vay lãi nặng (anh Hương là người bỏ tiền để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng). Do vậy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy thu số tiền 600.000.000đ bị cáo cho anh K vay lãi nặng là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Bị cáo Phùng Văn H và đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm tranh luận của mình, đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

Quyền của bị cáo được nói lời sau cùng: Bị cáo Phùng Văn H đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo Phùng Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo Phùng Văn H khai phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với Kết luận giám định, vật chứng thu giữ cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong thời gian từ ngày 14-12-2021 đến ngày 31-12-2022, bị cáo Phùng Văn H, sinh năm 1974 đã có hành vi cho anh Nguyễn Hồng K, anh Trần Trung T và bà Nguyễn Thị M vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính. Mức lãi suất từ 104,3% đến 127,8%, cao gấp 5,214 lần đến 6,388 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể như sau:

- Từ ngày 14-12-2021 đến ngày 18-01-2022 (35 ngày), bị cáo H cho anh Nguyễn Hồng K vay 600.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương lãi suất 104,3%/năm, gấp 5,214 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi bị cáo H đã thu được là 60.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi theo quy định là 11.507.000 đồng; tiền thu lợi bất chính 48.493.000 đồng.

- Từ ngày 16-02-2022 đến ngày 17-02-2022 (02 ngày), bị cáo H cho anh Nguyễn Hồng K vay 200.000.000 đồng, lãi suất 3.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương lãi suất 127,8%/năm, gấp 6,388 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi bị cáo H đã thu được là 1.400.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 219.000 đồng; tiền thu lợi bất chính 1.181.000 đồng.

- Từ ngày 22-3-2022 đến ngày 25/3/2022 (04 ngày), bị cáo H cho Nguyễn Hồng K vay 380.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày , tương đương lãi suất 108,1%/năm, gấp 5,403 lần mức lãi suất cao nhất quy định

tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi bị cáo H đã thu được là 4.500.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 833.000 đồng; tiền thu lợi bất chính 3.667.000 đồng.

- Trong ngày 26-3-2022 (01 ngày), bị cáo H cho anh Nguyễn Hồng K vay 200.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi bị cáo H đã thu được là 600.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 110.000 đồng; tiền thu lợi bất chính 490.000 đồng.

- Từ ngày 28-3-2022 đến ngày 30-3-2022 (03 ngày), bị cáo H cho anh Nguyễn Hồng K vay 100.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi bị cáo H đã thu được là 900.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 164.000 đồng; tiền thu lợi bất chính 736.000 đồng.

- Từ ngày 19-4-2022 đến ngày 22-4-2022 (04 ngày), bị cáo H cho anh Nguyễn Hồng K vay 300.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi bị cáo H đã thu được là 3.600.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 658.000 đồng; tiền thu lợi bất chính 2.942.000 đồng.

- Từ ngày 20-7-2022 đến ngày 21-7-2022 (02 ngày), bị cáo H cho anh Nguyễn Hồng K vay 600.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương lãi suất 121,7%/năm, gấp 6,083 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi bị cáo H đã thu được là 4.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 658.000 đồng; tiền thu lợi bất chính 3.342.000 đồng.

- Từ ngày 12-4-2022 đến ngày 22-7-2022 (101 ngày), bị cáo H cho anh Trần Trung T vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương lãi suất 108,5%/năm, gấp 5,421 lần mức lãi xuất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi bị cáo H đã thu được là 9.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 1.660.000 đồng; tiền thu lợi bất chính 7.340.000 đồng.

- Từ ngày 22-10-2022 đến ngày 31-12-2022 (70 ngày), bị cáo H cho bà Nguyễn Thị M vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương lãi suất 107,9%/năm, gấp 5,397 lần mức lãi xuất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi bị cáo H và bà M thỏa thuận là 4.140.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền lãi thực tế bị cáo H đã thu của bà M là 3.300.000đ, trong đó: tiền lãi theo quy định là 767.000 đồng, nhằm thu lợi bất chính 2.533.000 đồng. Đến đầu tháng 01-2023, bà M đã trả 20.000.000 tiền vay gốc cho bị cáo H và thống nhất với H không thu số tiền lãi còn thiếu là 840.000 đồng.

Tổng số tiền Phùng Văn H đã sử dụng để cho vay lãi nặng là 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)*, nhằm thu số tiền lãi là 88.140.000 đồng (trong đó:

tiền lãi theo quy định là 16.576.000 đồng, tiền thu lợi bất chính 71.564.000 đồng). Thực tế, số tiền lãi bị cáo H đã được 87.300.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 16.420.000 đồng, tiền thu lợi bất chính 70.880.000 đồng (Số tiền lãi chưa thu được là 840.000 đồng của bà Nguyễn Thị M).

Bị cáo Phùng Văn H là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi cho người khác vay tiền với lãi suất nặng, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng. Bị cáo cho người khác vay tiền với lãi suất cao gấp 5,214 lần đến 6,388 lần mức lãi xuất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính số tiền 70.880.000đ.

Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Phùng Văn H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo Phùng Văn H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả (tự nguyện trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người vay và nộp một phần tiền do phạm tội mà có); bị cáo ủng hộ tiền, tiền sơn (trị giá 21.700.000đ) để xây dựng nhà bia ghi danh các anh hùng, liệt sỹ xã VP và được Ủy ban nhân dân xã VP, huyện S, tỉnh T xác nhận do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phùng Văn H không pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy bị cáo Phùng Văn H làm nghề lao động tự do; thu nhập không ổn định; bị cáo không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Tính chất và mức độ của hành vi phạm tội: Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Phùng Văn H là nguy hiểm cho xã hội; không những đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về lĩnh vực tín dụng mà hành vi của bị cáo còn mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn; gây tâm lý hoang mang, lo lắng, bất bình trong quần chúng nhân dân; làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội. Bản T bị cáo ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì mục đích hám lợi và thái độ coi thường pháp luật nên bị cáo đã bất chấp để thực hiện. Hội đồng xét xử thấy rằng cần lên một mức án nghiêm M, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra để bị cáo lấy đó là một bài học tu dưỡng, rèn luyện bản T trở thành công dân có ích cho xã hội, góp phần đảm bảo an ninh trật tự cũng như phòng ngừa tội phạm trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

Từ những phân tích, đánh giá tại mục **[4]** phần "**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**" tại bản án này, HĐXX xét thấy điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền mà áp dụng hình phạt

cải tạo không giam giữ và miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo là phù hợp và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tạm giữ: 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max, màu xanh, số máy MWF922LL/A lắp 01 sim thuê bao Vinaphone số 0918.916.696. Bị cáo Phùng Văn H thừa nhận đã sử dụng chiếc điện thoại nói trên với mục đích liên lạc thỏa thuận việc vay lãi nặng và chuyển khoản tiền vay, nhận tiền lãi của những người vay. HĐXX xét thấy, bị cáo H thường xuyên dùng chiếc điện thoại này để chuyển tiền, nhận tiền lãi và trao đổi việc vay lãi nặng với những người khác. Do vậy, chiếc điện thoại này là phương tiện dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là có căn cứ.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước phương tiện dùng vào việc phạm tội.

01 điện thoại Iphone 11 Pro Max, màu xanh, số máy MWF922LL/A lắp 01 sim thuê bao Vinaphone số 0918.916.696.

Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về biện pháp tư pháp: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được:

- Bị cáo Phùng Văn H đã có hành vi sử dụng số tiền 600.000.000đ để cho anh Nguyễn Hồng K, anh Trần Trung T và bà Nguyễn Thị M vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính (Trong các lần cho vay lãi, sau khi thu được tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận, bị cáo H tiếp tục sử dụng số tiền gốc ban đầu để cho vay các lần kế tiếp). Những người vay đã hoàn trả lại cho bị cáo H toàn bộ số tiền gốc đã vay. HĐXX xét thấy, toàn bộ số tiền trên là số tiền gốc bị cáo H cho những người khác vay dưới hình thức cho vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính, là hành vi vi phạm pháp luật nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Quá trình điều tra, bị cáo H đã tự nguyện giao nộp số tiền 50.000.000đ nên cần khấu trừ số tiền này vào số tiền truy thu đối với bị cáo H.

Tại phiên tòa, bị cáo Phùng Văn H khai về nguồn gốc của số tiền 600.000.000đ trên là do bị cáo vay của ông Hoàng Văn Hương – Sinh năm: 1978; Địa chỉ: Thôn Đồng Dài, xã TA, huyện S, tỉnh T. Khi bị cáo H vay tiền của ông Hương, hai bên có trao đổi, thống nhất rõ ràng: Mục đích bị cáo H vay tiền của ông Hương là để cho anh K vay lại với lãi suất 3.000đ – 3.500đ/1.000.000đ/ngày (cho vay với lãi suất nặng). Ông Hương đồng ý và thỏa thuận với bị cáo H sẽ lấy lãi suất 1.500đ/1.000.000đ/ngày đối với số tiền 600.000.000đ. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 13-7-2023 với ông Hoàng Văn Hương trình bày: "*...Khi tôi cho anh Phùng Văn H vay tiền, tôi không trao đổi gì với anh H việc anh H vay tiền của tôi để cho những ai vay lại hay cho vay với lãi suất bao nhiêu. Bản T tôi không chung tiền hay cung cấp tiền cho anh H để anh H cho vay lãi nặng. Toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của anh H, tôi không biết và cũng không liên quan gì...*". Bị cáo H không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng M cho việc bị cáo H có trao đổi, thỏa thuận với ông Hương về mục đích, số

tiền lãi sẽ thu của anh K. HĐXX xét thấy, việc ông Hương cho bị cáo H vay số tiền 600.000.000đ với lãi suất 1.500đ/1.000.000đ/ngày là giao dịch dân sự độc lập. Hành vi này của ông Hương đã bị xử lý vi phạm hành chính. Việc xử lý vi phạm hành chính đối với ông Hương không liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo H. Do vậy, HĐXX không chấp nhận quan điểm của bị cáo Phùng Văn H đề nghị truy thu số tiền 600.000.000đ của ông Hoàng Văn Hương (số tiền bị cáo H cho anh K vay).

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền người phạm tội dùng để cho vay:

Truy thu của bị cáo Phùng Văn H số tiền 600.000.000đ được khấu trừ vào số tiền 50.000.000đ theo Công văn số: 10/CV-CQCSĐT ngày 03-01-2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T. Còn tiếp tục truy của bị cáo Phùng Văn H số tiền 550.000.000đ.

- Quá trình cho vay lãi nặng, bị cáo Phùng Văn H nhiều lần thu tiền lãi (những người vay trả tiền lãi) của những người vay tiền. HĐXX xét thấy, trong số tiền lãi bị cáo H nhận của những người vay tiền có khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Đây là số tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản tiền bị cáo H cho anh K vay là 14.149.000 đồng.

Tổng số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự đối với khoản tiền bị cáo H cho anh T vay là 1.660.000 đồng.

Tổng số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự trên số tiền lãi thực tế bị cáo H đã thu của bà M đối với khoản tiền bị cáo H cho bà M vay là 611.000đ đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Phùng Văn H đã trả lại khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự cho những người vay. Do vậy, cần truy thu cụ thể như sau:

+ Truy thu của bị cáo Phùng Văn H số tiền 300.000đ.

+ Truy thu của anh Nguyễn Hồng K số tiền 14.149.000đ.

+ Truy thu của anh Trần Trung T số tiền 1.660.000đ.

+ Truy thu của bà Nguyễn Thị M số tiền 311.000đ.

- Quá trình cho vay lãi nặng, bị cáo Phùng Văn H nhiều lần thu tiền lãi (những người vay trả tiền lãi) của những người vay tiền. HĐXX xét thấy, trong số tiền lãi bị cáo H nhận của những người vay tiền, ngoài khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự thì toàn bộ số tiền còn lại là số tiền thu lợi bất chính từ việc cho người vay tiền vay lãi nặng trong giao dịch dân sự (vượt quá mức lãi suất 20%/năm). Quá trình điều tra, bị cáo H đã trả lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cho những người vay. Bị cáo H và những người vay đều không có đề nghị gì thêm. Do vậy, HĐXX không xem xét, giải quyết.

Theo quy định tại Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "*Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

Bị cáo; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì đối với việc làm tròn số tiền để thuận tiện cho việc thi hành.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo Phùng Văn H pH chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 "quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về hành vi tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Các vấn đề khác:

- Đối với hành vi bị cáo Phùng Văn H cho chị Đinh Thị D vay 100.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương lãi suất 86,0%/năm, gấp 4,302 lần mức lãi xuất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự không cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T đã chuyển hồ sơ, tài liệu đến Công an huyện S, tỉnh T để xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 201; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Phùng Văn H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Xử phạt bị cáo Phùng Văn H **01** (**một**) năm cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Phùng Văn H về Ủy ban nhân dân xã VP, huyện S, tỉnh T để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã VP, huyện S, tỉnh T trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án pH thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và miễn việc khấu trừ thu nhập đối với người bị kết án.

Thời điểm bắt đầu tính thời hạn cải tạo không giam giữ là ngày Ủy ban nhân dân xã VP, huyện S, tỉnh T được giao giám sát, giáo dục; người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Về vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước phương tiện dùng vào việc phạm tội.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, số máy MWF922LL/A, số seri: FK1ZDA1DN70C, số IMEI: 353891101525173 lắp 01 sim thuê bao Vinaphone số "0918.916.696" được niêm phong trong 01 phong bì có chữ ký của Nguyễn Sơn Đông, hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh T.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 30-5-2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh T).

Về biện pháp tư pháp:

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền người phạm tội dùng để cho vay:

Truy thu của bị cáo Phùng Văn H số tiền 600.000.000đ được khấu trừ vào số tiền 50.000.000đ theo Công văn số: 10/CV-CQCSĐT ngày 03-01-2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T. Còn tiếp tục truy của bị cáo Phùng Văn H số tiền 550.000.000đ.

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo Phùng Văn H đã thu của người vay:

- Truy thu của bị cáo Phùng Văn H số tiền 300.000đ.

- Truy thu của anh Nguyễn Hồng K – Sinh năm: 1983; Địa chỉ: Thôn HE, xã TA, huyện S, tỉnh T số tiền 14.149.000đ.

- Truy thu của anh Trần Trung T – Sinh năm: 1983; Địa chỉ: Thôn ĐM, xã VP, huyện S, tỉnh T số tiền 1.660.000đ.

- Truy thu của bà Nguyễn Thị M – Sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn ĐM, xã VP, huyện S, tỉnh T số tiền 311.000đ.

Về án phí: Buộc bị cáo Phùng Văn H pH chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Phùng Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 14-7-2023).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Hồng K, chị Đinh Thị D; anh Trần Trung T, bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện S;
- VKSND tỉnh T;
- Công an huyện S;
- Tòa án nhân dân tỉnh T;
- Sở tư pháp tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hs, hstha, vp.

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Việt C